

Số : **60/2009/QĐ-UBND**

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình
sử dụng vốn ngân sách nhà nước của Thành phố Hà Nội**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999, số 12/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2000, số 07/2003/NĐ-CP ngày 30/01/2003 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 và các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 03/2008/NĐ-CP ngày 07/01/2008 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 58/2008/NĐ-CP ngày 05/05/2008 của Chính phủ Hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg ngày 18/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng;

Căn cứ Thông tư số 03/2003/TT-BKH ngày 19/5/2003 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 05/2007/TT-BXD ngày 25/7/2007 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07/4/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 27/2007/TT-BTC ngày 03/04/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước; Thông tư số 130/2007/TT-BTC ngày 02/11/2007 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 27/2007/TT-BTC ngày 03/4/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước; Thông tư số 33/2007/TT-BTC ngày 09/04/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại tờ trình số 331/TTr-KH&ĐT ngày 18/03/2009 và Báo cáo thẩm định số 395/STP-VBPQ ngày 17/03/2009 của Sở Tư Pháp Hà Nội,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này bản “Quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước của Thành phố Hà Nội”.

Đối với các dự án đầu tư không có xây dựng công trình thực hiện theo quy định tại Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999, số 12/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2000, số 07/2003/NĐ-CP ngày 30/01/2003 của Chính phủ và tại các Điều 2, 3, 6, 7, 10 (khoản 3,5), 12, 15, 18, 19, 21, 22 quy định này.

Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) thực hiện theo quy định tại Nghị định số 131/2006/NĐ-CP ngày 09/11/2006 của Chính phủ ban hành Quy chế Quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức và các quy định hiện hành của Nhà nước, Thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Quyết định này thay thế các quyết định:

1. Quyết định số 214/2006/QĐ-UB ngày 06/12/1006 của UBND Thành phố ban hành Quy định về quản lý các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước của UBND Thành phố Hà Nội

2. Quyết định số 414/2008/QĐ-UBND ngày 28/02/2008 của UBND tỉnh Hà Tây (cũ) ban hành Quy định về quản lý các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước của tỉnh Hà Tây.

Các quy định trong lĩnh vực đầu tư và xây dựng của UBND Thành phố trái với nội dung quy định tại quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành; Chủ tịch UBND các quận, huyện, và tương đương; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ;
- TT Thành ủy; (để b/cáo)
- TT HĐND Thành phố;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ KH&ĐT, XD, TP;
- Cục Kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- Các Đ/c PCT UBND Thành phố;
- Tòa án, Viện Kiểm sát, MTTQ TP;
- Đài PT&THHN, Báo KTĐT (để đưa tin);
- Trung tâm công báo;
- CVP, PVP, các Phòng CV;
- Lưu:VT.



Nguyễn Thế Thảo

QUY ĐỊNH

**Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình
sử dụng vốn ngân sách nhà nước của Thành phố Hà Nội**
(Ban hành kèm theo quyết định số 60 / 2009 /QĐ-UBND
ngày 09 / 4 / 2009 của UBND Thành phố Hà Nội)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh

Bản quy định này quy định về trình tự, thủ tục, trách nhiệm, quyền hạn của các tổ chức, cá nhân có liên quan và việc phân cấp, uỷ quyền trong quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách của Thành phố Hà Nội, kể cả các dự án sử dụng vốn bằng nguồn thu để lại hoặc từ quỹ phát triển sự nghiệp đầu tư xây dựng cơ sở vật chất của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Thành phố nhằm thực hiện các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng và cải cách hành chính trên địa bàn Thành phố.

Đối với các dự án đầu tư không có xây dựng công trình thực hiện theo quy định tại Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999, số 12/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2000, số 07/2003/NĐ-CP ngày 30/01/2003 của Chính phủ và tại các Điều 2, 3, 6, 7, 10 (khoản 3,5), 12, 15, 18, 19, 21, 22 quy định này.

Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) thực hiện theo quy định tại Nghị định số 131/2006/NĐ-CP ngày 09/11/2006 của Chính phủ ban hành Quy chế Quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức và các quy định hiện hành của Nhà nước, Thành phố.

Điều 2. Công tác kế hoạch đầu tư

1. Các dự án đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước phải lập danh mục và giao kế hoạch hàng năm theo đúng quy định của Luật Ngân sách. Dự án đầu tư nhóm A, công trình thuộc danh mục công trình trọng điểm sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước phải nằm trong kế hoạch 5 năm được HĐND Thành phố thông qua. Đối với các dự án nhóm A, công trình thuộc danh mục công trình trọng điểm, do nhu cầu cấp bách phải đầu tư chưa có trong kế hoạch 5 năm phải có văn bản chấp thuận của Thường trực HĐND Thành phố. Các dự án nhóm B phải bố trí đủ vốn để thực hiện dự án không quá 4 năm, nhóm C không quá 2 năm.

2. Điều kiện ghi kế hoạch : Các dự án ghi kế hoạch vốn đầu tư hàng năm của Thành phố tại thời điểm lập và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch khi có đủ các điều kiện sau :

a. Đối với các dự án quy hoạch : Các dự án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu, quy hoạch xây dựng phải có đề cương hoặc nhiệm vụ dự án quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b. Đối với các dự án chuẩn bị đầu tư: Có quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư trước thời điểm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua kế hoạch hàng năm.

Đối với những dự án có tổng mức đầu tư dưới 1 tỷ (một tỷ) đồng không phải lập và trình phê duyệt chủ trương đầu tư. Chủ đầu tư báo cáo cơ quan cấp trên trực tiếp xem xét, kiểm tra sự cần thiết, nội dung đầu tư và lập danh mục gửi cơ quan đầu mối tổng hợp kế hoạch trình cấp có thẩm quyền giao kế hoạch hàng năm.

c. Đối với các dự án thực hiện đầu tư: Có quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền trước thời điểm 31 tháng 10 năm trước năm kế hoạch.

3. Đầu mỗi tổng hợp kế hoạch trình cấp có thẩm quyền quyết định :

a. Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp kế hoạch đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách đầu tư phát triển, vốn chương trình mục tiêu, vốn hỗ trợ có mục tiêu, vốn sự nghiệp lập dự án quy hoạch thuộc ngân sách thành phố; lấy ý kiến Sở Tài chính và trình UBND Thành phố xem xét, quyết định.

b. Sở Tài chính tổng hợp kế hoạch đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách sự nghiệp kinh tế, lấy ý kiến Sở Kế hoạch và Đầu tư và trình UBND Thành phố xem xét, quyết định.

c. Phòng Tài chính - Kế hoạch các quận, huyện và tương đương có trách nhiệm tổng hợp, lấy ý kiến các phòng liên quan và trình UBND quận, huyện và tương đương quyết định phê duyệt kế hoạch đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách do UBND quận, huyện và tương đương quản lý.

d. Bộ phận chuyên môn thuộc UBND cấp xã có trách nhiệm tổng hợp, lấy ý kiến các đơn vị liên quan và trình UBND cấp xã quyết định phê duyệt kế hoạch đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương do UBND cấp xã quản lý.

e. Thời gian trả lời, tham gia ý kiến của cơ quan được hỏi ý kiến tối đa là 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản hỏi ý kiến. Sau thời hạn trên, cơ quan được hỏi ý kiến không có văn bản trả lời thì được xem như đã thống nhất với nội dung do cơ quan đầu mối gửi và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và UBND Thành phố.

4. Việc điều chỉnh kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt phải thực hiện theo các quy định của pháp luật về đầu tư; cơ quan đầu mối tổng hợp kế hoạch quy định tại khoản 3 điều này có trách nhiệm báo cáo và trình

cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt điều chỉnh kế hoạch sau khi được sự chấp thuận của Thường trực HĐND cùng cấp.

Điều 3. Quản lý đầu tư theo quy hoạch

Các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước khi trình UBND các cấp phê duyệt chủ trương đầu tư phải phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành và quy hoạch xây dựng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Đối với dự án đầu tư không có trong quy hoạch ngành được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chủ đầu tư báo cáo sở chuyên ngành để báo cáo UBND Thành phố có văn bản gửi Bộ quản lý ngành hoặc báo cáo UBND Thành phố theo phân cấp xem xét, chấp thuận bổ sung quy hoạch theo thẩm quyền hoặc trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận bổ sung quy hoạch trước khi trình UBND các cấp quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.

Đối với dự án đầu tư không có trong quy hoạch xây dựng hoặc chưa có quy hoạch xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chủ đầu tư báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về quy hoạch xây dựng để báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch xây dựng xem xét chấp thuận về vị trí, quy mô xây dựng trước khi trình UBND các cấp quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.

Thời gian xem xét, chấp thuận về quy hoạch ngành hoặc quy hoạch xây dựng không quá 15 ngày làm việc.

Điều 4. Cung cấp Thông tin liên quan phục vụ lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư.

1. Cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử :

Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối tổng hợp, đăng tải các thông tin liên quan đến công tác quản lý đầu tư và xây dựng, bao gồm: Các văn bản pháp luật của nhà nước, quy định, hướng dẫn về quản lý đầu tư và xây dựng đang có hiệu lực thi hành; Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố, quy hoạch phát triển ngành đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan đầu mối tổng hợp, đăng tải các thông tin liên quan đến công tác quản lý về tài nguyên và môi trường, bao gồm: Các văn bản pháp luật của nhà nước, quy định, hướng dẫn về tài nguyên và môi trường đang có hiệu lực thi hành, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai 5 năm, hàng năm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Sở Quy hoạch Kiến trúc là cơ quan đầu mối tổng hợp, đăng tải các thông tin liên quan đến công tác quản lý quy hoạch kiến trúc, bao gồm: Các văn bản pháp luật của nhà nước, quy định, hướng dẫn về quản lý quy hoạch kiến trúc đang có hiệu lực thi hành; Quy hoạch xây dựng, quy hoạch kết cấu hạ tầng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Các Sở khác có trách nhiệm đăng tải các thông tin văn bản pháp luật của nhà nước, quy định, hướng dẫn liên quan lĩnh vực quản lý của ngành mình.

2. Cung cấp thông tin trực tiếp theo đề nghị của chủ đầu tư:

a. Trách nhiệm cung cấp thông tin theo đề nghị của chủ đầu tư :

Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối cung cấp thông tin về chính sách đầu tư, hướng dẫn thủ tục, giải quyết khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai lập thẩm định dự án, phê duyệt dự án, đấu thầu.

Cơ quan quản lý quy hoạch kiến trúc (Sở Quy hoạch kiến trúc và UBND quận, huyện và tương đương) là đầu mối cung cấp, hướng dẫn, giải đáp các thông tin về quy hoạch xây dựng và Chứng chỉ quy hoạch xây dựng (theo quy định của UBND Thành phố về việc phân cấp thẩm quyền lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị và quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn trên địa bàn Thành phố Hà Nội). Đối với các khu vực chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 được cấp thẩm quyền phê duyệt, cơ quan quản lý quy hoạch kiến trúc căn cứ vào quy chuẩn xây dựng, quy chế quản lý kiến trúc đô thị, quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 để có văn bản thoả thuận thay cho việc cấp chứng chỉ quy hoạch. Nội dung thông tin quy hoạch xây dựng, nội dung Chứng chỉ quy hoạch xây dựng khi cung cấp cho chủ đầu tư thực hiện theo quy định tại Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 7/4/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng và theo quy định của UBND Thành phố.

Sở Xây dựng là đầu mối hướng dẫn, cung cấp cho chủ đầu tư thông tin về địa chất (nếu có) tại địa điểm lập dự án hoặc khu vực lân cận, đấu nối hạ tầng kỹ thuật đô thị khi nhà đầu tư có yêu cầu để lập dự án; cơ cấu căn hộ nhà ở xã hội, nhà ở tái định cư; cung cấp thông tin và hướng dẫn chế độ, chính sách quản lý kinh tế - kỹ thuật, chất lượng trong xây dựng cơ bản.

Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn là đầu mối hướng dẫn, cung cấp cho chủ đầu tư thông tin về quản lý công trình thủy lợi, đề điều khi nhà đầu tư có yêu cầu để lập dự án.

Sở Tài nguyên và Môi trường là đầu mối cung cấp, hướng dẫn, giải đáp các thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, chính sách đất đai, thủ tục thu hồi, giao đất ; đánh giá tác động môi trường; sử dụng tài nguyên.

Sở Tài chính là đầu mối cung cấp, hướng dẫn, giải đáp các thông tin chính sách về thanh quyết toán vốn đầu tư.

Các sở chuyên ngành theo chức năng nhiệm vụ là đầu mối cung cấp, hướng dẫn, giải đáp các thông tin về quy hoạch, tiêu chuẩn kỹ thuật ngành.

Các doanh nghiệp quản lý, kinh doanh điện lực, thông tin truyền thông có trách nhiệm cung cấp thông tin liên quan cho chủ đầu tư làm căn cứ lập dự án.

UBND các quận, huyện và tương đương là đầu mối cung cấp, hướng dẫn, giải đáp các thông tin liên quan về thủ tục lập, phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng, hồ sơ địa chính liên quan đến địa điểm đất đai trên địa bàn quận, huyện và tương đương.

b. Các sở, ngành, UBND các quận, huyện và tương đương và các cơ quan liên quan trong phạm vi thuộc thẩm quyền được UBND Thành phố giao có trách nhiệm cung cấp thông tin; chịu trách nhiệm về nội dung, chất lượng thông tin và hướng dẫn, giải đáp theo đề nghị của các chủ đầu tư trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của chủ đầu tư. Đối với các khu vực chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 được cấp thẩm quyền phê duyệt, thời hạn trả lời là 25 ngày làm việc kể từ ngày chủ đầu tư có yêu cầu.

c. Các sở, ngành, quận, huyện và tương đương có quy định hướng dẫn cụ thể việc cung cấp thông tin cho chủ đầu tư và niêm yết công khai tại cơ quan mình để triển khai thực hiện.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TRIỂN KHAI DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Điều 5. Trình tự triển khai các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng nguồn vốn ngân sách

1. Chuẩn bị đầu tư.
 - a. Phê duyệt chủ trương đầu tư và xác định chủ đầu tư dự án.
 - b. Lập dự án đầu tư.
 - c. Thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư.
2. Thực hiện đầu tư.
 - a. Thẩm định và phê duyệt thiết kế, dự toán.
 - b. Giao đất để thực hiện dự án.
 - c. Thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng.
 - d. Đấu thầu.
 - e. Xây dựng công trình.
3. Kết thúc dự án đầu tư đưa vào khai thác sử dụng.
 - a. Bàn giao công trình đưa vào khai thác sử dụng và thực hiện bảo hành, bảo trì công trình.
 - b. Quyết toán vốn đầu tư và phê duyệt quyết toán.

Điều 6. Chủ đầu tư dự án

Chủ đầu tư dự án phải được cấp có thẩm quyền quyết định khi phê duyệt

chủ trương đầu tư trước khi lập dự án, phù hợp quy định của Luật Ngân sách; việc xác định chủ đầu tư thực hiện như sau :

1. Dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ : Chủ đầu tư dự án là UBND Thành phố. UBND Thành phố uỷ quyền cho các Ban Quản lý dự án có đủ điều kiện năng lực tổ chức thực hiện một phần nhiệm vụ, quyền hạn của chủ đầu tư.

2. Dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND các cấp :

a. Chủ đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách đầu tư phát triển là đơn vị quản lý, sử dụng công trình nếu đơn vị quản lý, sử dụng công trình có đủ điều kiện để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của chủ đầu tư.

b. Trường hợp chưa xác định được đơn vị quản lý, sử dụng công trình hoặc đơn vị quản lý, sử dụng công trình không đủ điều kiện làm chủ đầu tư thì người quyết định đầu tư có thể giao cho đơn vị có đủ điều kiện làm chủ đầu tư. Trong trường hợp đơn vị quản lý, sử dụng công trình không đủ điều kiện làm chủ đầu tư thì đơn vị sẽ quản lý, sử dụng công trình có trách nhiệm cử người tham gia với chủ đầu tư trong việc tổ chức lập dự án, thiết kế, theo dõi, quản lý, nghiệm thu và tiếp nhận đưa công trình vào khai thác, sử dụng;

Trường hợp không xác định được chủ đầu tư theo quy định tại điểm b khoản này thì người quyết định đầu tư có thể uỷ thác cho đơn vị khác có đủ điều kiện làm chủ đầu tư hoặc đồng thời làm chủ đầu tư.

c. Các đơn vị sự nghiệp công lập là chủ đầu tư các dự án sử dụng vốn bằng nguồn thu sự nghiệp để lại theo quy định để đầu tư cơ sở vật chất của đơn vị.

d. Các trường hợp khác, UBND Thành phố xem xét quyết định đối với từng dự án cụ thể phù hợp với phương thức đầu tư và quy mô của dự án.

Điều 7. Lập và phê duyệt chủ trương đầu tư

1. Lập và phê duyệt chủ trương đầu tư :

a. Các sở, ban, ngành (đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của UBND Thành phố), Phòng Tài chính - Kế hoạch các quận, huyện và tương đương (đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của UBND cấp huyện), bộ phận chuyên môn UBND các xã, phường và tương đương (đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của UBND cấp xã) và đơn vị quản lý sử dụng công trình căn cứ vào Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố và quận, huyện, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm đã được HĐND cùng cấp thông qua, các quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch xây dựng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đề nghị, đề xuất các dự án đầu tư trình UBND các cấp quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.

b. Nội dung hồ sơ khi trình phê duyệt chủ trương đầu tư gồm: Tờ trình đề nghị phê duyệt chủ trương đầu tư kèm theo thuyết minh làm rõ các nội dung :

Tên dự án, sự cần thiết đầu tư, tên chủ đầu tư, địa điểm xây dựng công trình (thuyết minh sơ bộ hiện trạng khu đất), sự phù hợp với quy hoạch (Quy hoạch ngành, quy hoạch xây dựng), mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư dự kiến, hình thức đầu tư, dự kiến tổng mức và nguồn vốn đầu tư (trong đó có ước chi phí bồi thường GPMB, phương án tái định cư nếu có, chi phí nghiên cứu lập, thẩm định dự án), dự kiến thời gian thực hiện dự án, nội dung công tác chuẩn bị đầu tư, kinh phí, nguồn vốn và dự kiến thời gian hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư.

c. Nội dung quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư gồm : Tên dự án, chủ đầu tư, địa điểm dự kiến xây dựng công trình, mục tiêu đầu tư; quy mô đầu tư dự kiến, nội dung chuẩn bị đầu tư, dự kiến tổng mức và nguồn vốn đầu tư dự án, mức chi phí chuẩn bị đầu tư (bao gồm cả chi phí cho việc lập thiết kế cơ sở và thẩm tra tổng mức đầu tư nếu cần thiết), thời gian hoàn thành chuẩn bị đầu tư.

d. Thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư :

UBND các cấp quyết định đầu tư theo phân cấp quy định tại Khoản 1 Điều 12 Quy định này thực hiện phê duyệt chủ trương đầu tư.

Ủy quyền Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án nhóm C thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của UBND Thành phố.

Các dự án đầu tư thuộc đối tượng báo cáo Thành uỷ thông qua chủ trương đầu tư: Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp trên cơ sở đề nghị của Chủ đầu tư trình Ban cán sự UBND Thành phố báo cáo Thành uỷ thông qua trước khi phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy chế làm việc của Thành uỷ.

e. Sở Kế hoạch và Đầu tư (đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của UBND Thành phố), Phòng Tài chính - Kế hoạch các quận, huyện và tương đương (đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của UBND cấp huyện), bộ phận chuyên môn UBND các xã, phường và tương đương (đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của UBND cấp xã) là đầu mối tiếp nhận, thẩm tra, trình UBND các cấp xem xét quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư và chịu trách nhiệm về việc thẩm tra và các nội dung đề xuất, báo cáo.

f. Nội dung thẩm tra gồm : Sự cần thiết đầu tư, sự phù hợp quy hoạch, chủ đầu tư, mục tiêu, quy mô đầu tư, nội dung chuẩn bị đầu tư và khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư để thực hiện dự án.

g. Thời gian thẩm tra hồ sơ trình phê duyệt chủ trương đầu tư là 10 ngày làm việc; thời gian xem xét phê duyệt chủ trương đầu tư là 08 ngày làm việc.

2. Phê duyệt dự toán chi phí chuẩn bị đầu tư : Chủ đầu tư các dự án tổ chức thẩm định, phê duyệt dự toán chi phí chuẩn bị đầu tư dự án trên cơ sở chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Nhà nước và Thành phố.

Điều 8. Lập dự án đầu tư

1. Đối với các dự án quan trọng quốc gia theo Nghị quyết của Quốc hội thì chủ đầu tư phải lập Báo cáo đầu tư trình Chính phủ xem xét để trình Quốc hội thông qua chủ trương và cho phép đầu tư. Đối với các dự án khác, chủ đầu tư lập dự án đầu tư theo quy định trừ các trường hợp lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ.

2. Nội dung báo cáo đầu tư, dự án đầu tư, báo cáo kinh tế - kỹ thuật:

a. Nội dung báo cáo đầu tư theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ, Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 của Chính phủ và các quy định hiện hành của Nhà nước, Thành phố.

b. Nội dung dự án đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 6, 7, 8 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ, Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 của Chính phủ và các quy định hiện hành của Nhà nước, Thành phố.

c. Nội dung Báo cáo kinh tế - kỹ thuật thực hiện theo quy định tại khoản 4 điều 35 Luật Xây dựng, Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 của Chính phủ và các quy định hiện hành của Nhà nước, Thành phố.

d. Trong quá trình lập dự án, nếu thông tin đã được cung cấp đầy đủ, đảm bảo để chủ đầu tư lập hồ sơ dự án thì không phải thoả thuận với các cơ quan quản lý liên quan.

đ. Công tác tổ chức thực hiện GPMB theo quy hoạch không phải lập dự án; thực hiện theo quyết định giao nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền.

e. Thời gian để lập xong dự án nhóm C không quá 6 tháng, nhóm B không quá 9 tháng, nhóm A không quá 12 tháng kể từ khi có quyết định giao vốn chuẩn bị đầu tư. Trường hợp thời gian lập dự án kéo dài hơn so với quy định, chủ đầu tư phải có văn bản báo cáo và được cơ quan quyết định đầu tư chấp thuận.

f. Đối với các dự án đầu tư để giải quyết các nhu cầu cấp bách, bức xúc hoặc các yêu cầu đặc biệt khác, thực hiện theo văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

g. Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ODA thực hiện theo Nghị định số 131/2006/NĐ-CP ngày 09/11/2006 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế Quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức(ODA) và quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố.

Điều 9. Các hình thức quản lý dự án

1. Các hình thức quản lý dự án thực hiện theo quy định tại Điều 33 Nghị định 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ và các quy định hiện hành của Nhà nước, Thành phố. Hình thức quản lý dự án được người quyết

định đầu tư quyết định khi phê duyệt dự án.

Trường hợp chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án thì chủ đầu tư thành lập Ban Quản lý dự án để giúp chủ đầu tư làm đầu mối quản lý dự án. Ban Quản lý dự án phải có năng lực tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý dự án theo yêu cầu của chủ đầu tư. Ban Quản lý dự án có thể thuê tư vấn quản lý, giám sát một số phần việc mà Ban Quản lý dự án không có đủ điều kiện, năng lực để thực hiện nhưng phải được sự đồng ý của chủ đầu tư.

Trường hợp chủ đầu tư thuê tổ chức tư vấn quản lý điều hành dự án thì tổ chức tư vấn đó phải có đủ điều kiện năng lực tổ chức quản lý phù hợp với quy mô, tính chất của dự án. Khi áp dụng hình thức thuê tư vấn quản lý dự án, chủ đầu tư vẫn phải sử dụng các đơn vị chuyên môn thuộc bộ máy của mình hoặc chỉ định đầu mối để kiểm tra, theo dõi việc thực hiện hợp đồng của tư vấn quản lý dự án.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án, Tư vấn Quản lý dự án thực hiện theo quy định tại Điều 34, 35, Khoản 2 Điều 43 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ và các quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố.

3. Các Ban Quản lý dự án hiện nay đã có trực thuộc Thành phố, sở, ngành, quận, huyện và tương đương duy trì như hiện trạng, tiếp tục kiện toàn để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ được giao. Trường hợp cần thiết, chủ đầu tư có thể báo cáo cấp có thẩm quyền thành lập thêm Ban Quản lý dự án mới để đảm bảo quản lý dự án có hiệu quả.

Điều 10. Thẩm định và phê duyệt dự án

1. Hồ sơ trình phê duyệt.

a. Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình bao gồm:

Tờ trình thẩm định dự án theo mẫu tại Phụ lục số II Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ;

Dự án đầu tư xây dựng công trình gồm phần thuyết minh và thiết kế cơ sở;
Các văn bản pháp lý có liên quan.

b. Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt báo cáo kinh tế – kỹ thuật xây dựng công trình bao gồm:

Tờ trình thẩm định báo cáo kinh tế – kỹ thuật theo mẫu tại Phụ lục số 2 Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bao gồm phần thuyết minh và thiết kế bản vẽ thi công;

Kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán, kèm theo văn bản góp ý của các cơ quan có liên quan (nếu có).

2. Nội dung thẩm định dự án:

a. Nội dung thẩm định dự án thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ, khoản 1 Điều 6 Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 của Chính phủ và các quy định hiện hành của Nhà nước, Thành phố.

b. Nội dung thẩm định báo cáo kinh tế – kỹ thuật xây dựng công trình:

Nội dung thẩm định báo cáo kinh tế – kỹ thuật xây dựng công trình thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và các quy định hiện hành của Nhà nước, Thành phố.

c. Thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình đặc thù, thực hiện theo quy định tại Nghị định số 71/2005/NĐ-CP ngày 06/6/2005 của Chính phủ.

3. Cơ quan, tổ chức đầu mối thẩm định :

a. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối tổ chức thẩm định các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của UBND Thành phố, Sở Kế hoạch và đầu tư theo uỷ quyền tại quy định này.

b. Các Sở được UBND Thành phố uỷ quyền quyết định đầu tư theo quy định này có trách nhiệm giao cho một đơn vị chuyên môn trực thuộc làm đầu mối tổ chức thẩm định dự án đầu tư, báo cáo kinh tế - kỹ thuật theo quy định trước khi quyết định đầu tư.

c. Phòng Tài chính - Kế hoạch các quận, huyện và tương đương là đầu mối tổ chức thẩm định các dự án đầu tư, báo cáo kinh tế - kỹ thuật thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp huyện.

d. Bộ phận chuyên môn UBND các xã, phường là đầu mối tổ chức thẩm định các dự án đầu tư, C thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp xã.

4. Tổ chức thẩm định :

a. Trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan, tổ chức đầu mối thẩm định dự án có trách nhiệm gửi hồ sơ dự án lấy ý kiến của các cơ quan liên quan (bao gồm cả nội dung xem xét thiết kế cơ sở, lấy ý kiến thẩm định tổng mức đầu tư) theo quy định.

b. Các cơ quan có trách nhiệm tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở theo quy định tại Điều 11 Quyết định này có trách nhiệm thẩm định: Sự phù hợp của phương pháp xác định tổng mức đầu tư với đặc điểm, tính chất kỹ thuật và yêu cầu công nghệ của dự án đầu tư xây dựng công trình; Tính đầy đủ, hợp lý và phù hợp với yêu cầu thực tế thị trường của các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư theo hồ sơ thiết kế cơ sở trình thẩm định.

Đối với các dự án đầu tư nhóm A, dự án nhóm B có tổng mức đầu tư lớn hơn 300 (ba trăm) tỷ đồng, dự án đầu tư xây dựng công trình đặc thù, dự án

đầu tư áp dụng tiêu chuẩn thiết kế nước ngoài hoặc thuê tư vấn nước ngoài và dự án đầu tư có các đặc điểm, tính chất kỹ thuật, yêu cầu công nghệ và các định mức, đơn giá không có trong hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức do các cơ quan nhà nước Việt Nam có thẩm quyền ban hành, chủ đầu tư thuê tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực, kinh nghiệm để thẩm tra tổng mức đầu tư trước khi trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự án. Chi phí thẩm tra được tính vào chi phí khác của tổng mức đầu tư dự án.

Trên cơ sở ý kiến thẩm định tổng mức đầu tư của các cơ quan nêu trên, cơ quan đầu mối thẩm định dự án có trách nhiệm thẩm định các tính toán về hiệu quả đầu tư xây dựng công trình, xác định giá trị tổng mức đầu tư trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

c. Nội dung tham gia ý kiến của các cơ quan liên quan phải rõ ràng trên cơ sở viện dẫn các quy định của Nhà nước và quan điểm của cơ quan tham gia ý kiến: nội dung đồng ý (phù hợp), nội dung không đồng ý (không phù hợp), nội dung cụ thể phải bổ sung hoàn chỉnh.

Thời gian trả lời ý kiến thẩm định kể từ khi nhận được văn bản yêu cầu là: 10 ngày làm việc đối với dự án nhóm C, 15 ngày làm việc đối với dự án nhóm B và 20 ngày làm việc đối với dự án nhóm A. Sau thời hạn trên, nếu cơ quan được hỏi ý kiến thẩm định không có văn bản tham gia ý kiến thẩm định, được xem là thống nhất với nội dung dự án do cơ quan đầu mối thẩm định gửi và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và UBND Thành phố.

d. Cơ quan đầu mối thẩm định dự án có trách nhiệm tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan (bao gồm ý kiến về thiết kế cơ sở, ý kiến thẩm định tổng mức đầu tư) và thông báo kết quả thẩm định dự án bằng văn bản để chủ đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ trình phê duyệt dự án. Trường hợp hồ sơ dự án đủ điều kiện theo quy định, cơ quan đầu mối thẩm định dự án lập báo cáo thẩm định và trình cấp thẩm quyền phê duyệt dự án.

đ. Trường hợp hồ sơ dự án phải bổ sung hoàn chỉnh theo thông báo kết quả thẩm định dự án, chủ đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ dự án, hồ sơ thiết kế cơ sở và gửi cơ quan đầu mối thẩm định dự án để thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Thời gian thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư, báo cáo kinh tế - kỹ thuật :

a. Thời gian thẩm định dự án đầu tư, báo cáo kinh tế - kỹ thuật được tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cụ thể:

Báo cáo kinh tế - kỹ thuật : không quá 15 ngày làm việc.

Dự án thuộc nhóm C : không quá 20 ngày làm việc.

Dự án thuộc nhóm B : không quá 30 ngày làm việc.

Dự án thuộc nhóm A : không quá 40 ngày làm việc.

b. Thời gian xem xét phê duyệt dự án đầu tư, báo cáo kinh tế - kỹ thuật của cấp có thẩm quyền tính từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm định của cơ quan đầu mối thẩm định:

Báo cáo kinh tế - kỹ thuật : không quá 03 ngày làm việc.

Dự án thuộc nhóm C : không quá 03 ngày làm việc.

Dự án thuộc nhóm B : không quá 08 ngày làm việc.

Dự án thuộc nhóm A : không quá 10 ngày làm việc.

Trường hợp đặc biệt, thời gian phê duyệt dự án có thể kéo dài nhưng không quá 12 ngày làm việc.

Điều 11. Thiết kế cơ sở công trình xây dựng

1. Các Sở Xây dựng, Giao thông Vận tải, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm xem xét, tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở các dự án nhóm B, C thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND các cấp:

a. Sở Công thương xem xét thiết kế cơ sở của các dự án đầu tư xây dựng công trình hầm mỏ, dầu khí, nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp và các công trình công nghiệp chuyên ngành (trừ công nghiệp vật liệu xây dựng);

b. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét thiết kế cơ sở của các dự án đầu tư xây dựng công trình thủy lợi, đê điều và các công trình chuyên ngành nông nghiệp khác được UBND Thành phố giao.

c. Sở Giao thông Vận tải xem xét thiết kế cơ sở của các dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông.

d. Sở Xây dựng xem xét thiết kế cơ sở của các dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp vật liệu xây dựng, hạ tầng kỹ thuật đô thị, các dự án đầu tư xây dựng công trình khác do Chủ tịch ủy ban nhân dân Thành phố yêu cầu và xem xét thiết kế cơ sở đối với dự án đầu tư xây dựng một công trình dân dụng nhóm A dưới 20 tầng.

e. Chủ đầu tư tổ chức thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật; Trường hợp cần thiết thì có thể thuê tư vấn thẩm tra để làm cơ sở cho việc thẩm định.

2. Nội dung xem xét thiết kế cơ sở : Thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ xây dựng.

Cơ quan xem xét thiết kế cơ sở có trách nhiệm tham gia ý kiến bằng văn bản. Nội dung văn bản tham gia ý kiến phải rõ ràng: nội dung đồng ý, nội dung không đồng ý, nội dung phải bổ sung hoàn chỉnh cụ thể, gửi cho cơ quan đầu mối thẩm định dự án để tổng hợp, thẩm định và trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt dự án.

Điều 12. Thẩm quyền quyết định đầu tư

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định đầu tư các dự án nhóm A, B, C trong phạm vi và khả năng cân đối ngân sách của địa phương sau khi thông qua Hội đồng nhân dân cùng cấp.

UBND cấp huyện quyết định đầu tư các dự án đến nhóm C sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách cấp trên sau khi có văn bản chấp thuận của UBND Thành phố về nguồn vốn hỗ trợ trên cơ sở đề xuất của Sở Kế hoạch và Đầu tư để đảm bảo cân đối kế hoạch vốn.

UBND cấp xã quyết định đầu tư các dự án đầu tư có tổng mức vốn đầu tư đến 500 (năm trăm) triệu đồng sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách cấp trên sau khi có văn bản chấp thuận của UBND cấp huyện để đảm bảo cân đối kế hoạch vốn.

2. Ủy quyền quyết định đầu tư các dự án thuộc thẩm quyền của UBND Thành phố:

Giám đốc các Sở : Xây dựng, Giao thông Vận tải, Công thương, Nông nghiệp và phát triển nông thôn quyết định đầu tư các dự án nhóm C do Sở trực tiếp quản lý trên cơ sở chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Giám đốc các Sở khác quyết định đầu tư Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình (Báo cáo đầu tư dự án không xây dựng công trình) do Sở trực tiếp quản lý trên cơ sở chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định đầu tư các dự án đến nhóm C ngoài các dự án ủy quyền cho các Sở khác quyết định đầu tư trên cơ sở chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 13. Giao đất, bồi thường GPMB để thực hiện các dự án đầu tư

1. Việc giao và cho thuê đất để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo quy định của Luật Đất đai, các nghị định hướng dẫn thực hiện Luật Đất đai của Chính phủ, quyết định số 18/2008/QĐ-UBND ngày 29/9/2008, quyết định số 39/2008/QĐ-UBND ngày 22/10/2008 của UBND Thành phố và quy định hiện hành của Nhà nước, Thành phố.

2. Trường hợp giải phóng mặt bằng theo quy hoạch xây dựng, việc bồi thường giải phóng mặt bằng được thực hiện như sau :

a. Giao các Tổ chức phát triển quỹ đất triển khai thực hiện giải phóng mặt bằng theo quy hoạch đối với khu đất chưa xác định chủ đầu tư.

b. Kinh phí để giải phóng mặt bằng thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố.

c. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối báo cáo UBND Thành phố phê duyệt nhiệm vụ GPMB theo quy hoạch đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của UBND Thành phố; Phòng Kế hoạch Tài chính là cơ quan đầu mối báo cáo UBND cấp huyện phê duyệt nhiệm vụ GPMB theo

quy hoạch đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của UBND cấp huyện.

d. Thời gian xem xét trình phê duyệt nhiệm vụ GPMB theo quy hoạch không quá 10 ngày làm việc.

Điều 14. Về thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán công trình

Chủ đầu tư tự tổ chức thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán theo quy định tại điều 17 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP, ngày 12/02/2009 của Chính phủ và gửi các quyết định phê duyệt đến cơ quan quyết định đầu tư, cơ quan xem xét thiết kế cơ sở và cơ quan đầu mối tổng hợp kế hoạch đầu tư trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt.

Điều 15. Quản lý đấu thầu

1. Việc triển khai công tác đấu thầu phải thực hiện đúng các quy định của Luật Đấu thầu, Luật Xây dựng, Luật Thực hành tiết kiệm chống lãng phí và các Nghị định, văn bản hướng dẫn thực hiện. Nội dung, thời hạn phê duyệt các nội dung trong công tác đấu thầu, thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Điều kiện để tổ chức đấu thầu: Có kế hoạch đấu thầu được duyệt; hồ sơ mời thầu được duyệt và kế hoạch vốn được giao thực hiện. Trường hợp dự án cấp thiết cần phải triển khai đấu thầu khi chưa có kế hoạch vốn, phải có ý kiến chấp thuận của cấp quyết định giao kế hoạch vốn đầu tư dự án.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối giúp UBND Thành phố thực hiện quản lý Nhà nước về đấu thầu theo uỷ quyền của UBND Thành phố; chịu trách nhiệm hướng dẫn các sở, ngành, quận, huyện và tương đương, xã, phường, thị trấn, các chủ đầu tư thực hiện các nội dung về công tác đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu; kiểm tra, thanh tra và tổng hợp báo cáo công tác đấu thầu các dự án đầu tư thuộc phạm vi Thành phố quản lý.

Thực hiện các nhiệm vụ : Phê duyệt kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu, kết quả đấu thầu của các gói thầu dự án được uỷ quyền quyết định đầu tư theo quy định này.

Tiếp nhận, thẩm định trình UBND Thành phố phê duyệt kế hoạch đấu thầu, kết quả đấu thầu các gói thầu dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND Thành phố ngoài các dự án đã phân cấp, uỷ quyền quyết định đầu tư tại Quy định này.

Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ liên quan do chủ đầu tư trình, dự thảo văn bản của Ủy ban nhân dân Thành phố trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu, kết quả đấu thầu các gói thầu dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Thủ tướng Chính phủ.

Giải quyết xử lý các tình huống phát sinh trong đấu thầu đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định của UBND Thành phố và dự án được uỷ quyền quyết định đầu tư.

3. Các Sở ngành thuộc Thành phố thực hiện các nhiệm vụ : Phê duyệt kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu, kết quả đấu thầu các gói thầu dự án được uỷ quyền quyết định đầu tư theo Quy định này.

Uỷ quyền Các Sở: Giao thông Vận tải, Xây dựng, Công thương, Nông nghiệp và phát triển nông thôn theo chuyên ngành xây dựng phê duyệt hồ sơ mời thầu các gói thầu dự án nhóm B, tiếp nhận, thẩm định, trình UBND Thành phố phê duyệt hồ sơ mời thầu các gói thầu dự án nhóm A thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND Thành phố.

4. UBND các quận, huyện và tương đương, xã, phường, thị trấn thực hiện các nhiệm vụ: Phê duyệt kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu, kết quả đấu thầu đối với các gói thầu dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư theo Quy định này. Phòng Tài chính - kế hoạch chịu trách nhiệm thẩm định các nội dung trong quá trình đấu thầu trình UBND quận, huyện và tương đương phê duyệt; UBND cấp xã sử dụng bộ phận chuyên môn giúp việc liên quan thẩm định các nội dung quá trình đấu thầu trước khi phê duyệt.

5. Các sở, ngành, quận, huyện và tương đương, xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm toàn diện về công tác đấu thầu theo thẩm quyền phê duyệt và có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện công tác đấu thầu theo định kỳ (6 tháng, năm) theo quy định của pháp luật về đấu thầu gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Uỷ ban nhân dân Thành phố.

6. Việc đăng tải các nội dung liên quan đến công tác đấu thầu thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định số 58/2008/NĐ-CP ngày 05/05/2008 của Chính phủ và các quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố Hà Nội.

7. Thời gian thẩm định và phê duyệt kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu, kết quả đấu thầu.

a. Thời gian thẩm định kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu, kết quả đấu thầu:

Đối với các gói thầu thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ: không quá 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;

Đối với các gói thầu khác: không quá 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b. Thời gian phê duyệt kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu, kết quả đấu thầu không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của cơ quan, tổ chức thẩm định.

Điều 16. Quản lý chi phí, chất lượng công trình xây dựng

1. Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, thực hiện theo quy định tại Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 03/2008/NĐ-CP ngày 07/01/2008 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Thông tư số 05/2007/TT-BXD ngày 25/7/2007 của Bộ Xây

dựng hướng dẫn về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình và các quy định hiện hành của Nhà nước và UBND Thành phố.

2. Nội dung quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn thành phố, thực hiện theo Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18/04/2008, Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng và quy định hiện hành của Nhà nước và UBND Thành phố về trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

3. Quản lý tiến độ, khối lượng thi công, an toàn lao động, môi trường xây dựng thực hiện theo các Điều 28, Điều 29, Điều 30 và Điều 31, Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ và các quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố.

Điều 17. Điều chỉnh dự án

1. Dự án đầu tư xây dựng công trình đã được quyết định đầu tư chỉ được điều chỉnh theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009, Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 của Chính phủ.

2. Khi điều chỉnh dự án không làm thay đổi địa điểm, quy mô, mục tiêu đầu tư và không vượt tổng mức đầu tư đã được phê duyệt thì chủ đầu tư được phép tự điều chỉnh dự án. Trường hợp điều chỉnh dự án làm thay đổi địa điểm, quy mô, mục tiêu dự án hoặc vượt tổng mức đầu tư đã được phê duyệt thì chủ đầu tư phải trình người quyết định đầu tư xem xét, quyết định. Những nội dung thay đổi phải được thẩm định lại.

3. Trường hợp điều chỉnh dự án có tổng mức đầu tư vượt mức vốn được uỷ quyền quyết định đầu tư theo quy định tại Quyết định này, cơ quan quyết định đầu tư phải báo cáo người có thẩm quyền chấp thuận trước khi phê duyệt điều chỉnh. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm kiểm tra, báo cáo UBND Thành phố xem xét, chấp thuận trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan quyết định đầu tư và hồ sơ điều chỉnh dự án của chủ đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của UBND Thành phố.

4. Các cấp có thẩm quyền không được phép điều chỉnh dự án đầu tư đối với các dự án thuộc đối tượng phải giám sát, đánh giá đầu tư nhưng chưa thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định.

Người quyết định điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.

5. Thời gian thẩm định, phê duyệt điều chỉnh dự án thực hiện như quy định tại Khoản 5 Điều 10 Quy định này.

Điều 18. Thanh toán và quyết toán vốn đầu tư

1. Quản lý, thanh toán cho các dự án đầu tư bằng nguồn vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thực hiện theo quy định tại Thông tư số 27/2007/TT-BTC ngày 03/04/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước; Thông tư số 130/2007/TT-BTC ngày 02/11/2007 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 27/2007/TT-BTC ngày 03/4/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước; Thông tư số 33/2007/TT-BTC ngày 09/04/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước.

2. Việc thanh toán vốn đầu tư phải bảo đảm đúng tiến độ, trong phạm vi tổng mức đầu tư, dự toán công trình hoặc giá trúng thầu đã được duyệt; theo đúng khối lượng hoàn thành được nghiệm thu; việc kiểm tra, giám sát sử dụng vốn và thẩm tra quyết toán công trình phải đúng quy định về quản lý vốn đầu tư. Nghiêm cấm ứng trước vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cho dự án chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đối với dự án đầu tư đã được phê duyệt và bố trí vốn nhưng chậm khởi công xây dựng thì phải điều chuyển vốn cho dự án đầu tư khác theo quy định.

3. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm lập hồ sơ quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành để trình người có thẩm quyền phê duyệt chậm nhất là 12 tháng đối với các dự án quan trọng quốc gia và dự án nhóm A; 9 tháng đối với các dự án nhóm B; 6 tháng đối với các dự án nhóm C kể từ khi công trình hoàn thành, đưa vào khai thác, sử dụng. Sau sáu tháng kể từ khi có quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, chủ đầu tư có trách nhiệm giải quyết công nợ, tất toán tài khoản của dự án tại cơ quan thanh toán, cho vay vốn đầu tư

4. Sở Tài chính chịu trách nhiệm thẩm tra và trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt quyết toán vốn đầu tư các dự án nhóm A; thẩm tra và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư, xây dựng công trình các dự án nhóm B, C thuộc thẩm quyền quyết định của UBND Thành phố.

Chương III

GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 19. Giám sát, đánh giá đầu tư

1. Dự án sử dụng vốn nhà nước trên 50% tổng mức đầu tư thì phải được giám sát, đánh giá đầu tư.

2. Yêu cầu và nội dung giám sát, đánh giá đầu tư: thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ.

3. UBND Thành phố giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư cho các đơn vị như sau:

a. Sở Kế hoạch và Đầu tư : Là cơ quan đầu mối, xây dựng kế hoạch giám sát, đánh giá đầu tư hàng năm, chịu trách nhiệm tổng hợp việc thực hiện các

nhiệm vụ về công tác giám sát, đánh giá đầu tư của Thành phố; hướng dẫn thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư đối với các ngành, các cấp, các dự án được UBND Thành phố phân cấp, ủy quyền quyết định đầu tư dự án; đánh giá tổng thể việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư của các sở, ngành, quận, huyện và tương đương; Tổ chức giám sát, đánh giá đầu tư dự án do UBND Thành phố quyết định đầu tư.

b. Các Sở, ngành chỉ đạo, theo dõi, tổng hợp và giám sát, đánh giá đầu tư các dự án đầu tư thuộc phạm vi được ủy quyền quyết định đầu tư dự án; định kỳ gửi báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư về cơ quan đầu mối giám sát, đánh giá đầu tư của Thành phố.

c. UBND các quận, huyện và tương đương, xã, phường, thị trấn: Chỉ đạo, theo dõi, tổng hợp và giám sát, đánh giá đầu tư các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư; định kỳ gửi báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư về cơ quan đầu mối giám sát, đánh giá đầu tư của Thành phố.

d. Chủ đầu tư: Chịu trách nhiệm trước UBND Thành phố, cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp về việc thực hiện các nhiệm vụ quy định về giám sát, đánh giá đầu tư đối với các dự án thuộc phạm vi quản lý của mình; chịu trách nhiệm về nội dung và chất lượng các báo cáo và về các hậu quả do không tổ chức thực hiện việc giám sát, đánh giá đầu tư hoặc không báo cáo theo quy định; định kỳ gửi báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư về cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp và cơ quan đầu mối giám sát, đánh giá đầu tư của Thành phố.

Điều 20. Giám sát của cộng đồng

Các cơ quan, tổ chức và chủ đầu tư các dự án tham gia hoạt động đầu tư, xây dựng có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg ngày 18/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng, Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-KH&ĐT-UBMTTQVN-TC ngày 04/12/2006 của Liên Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban TTrưng ương mặt trận tổ quốc Việt Nam, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quyết định số 80/2005/QĐ-TTg ngày 18/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 21. Xử lý vi phạm

1. Chủ đầu tư dự án phải chịu trách nhiệm toàn diện về thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định, đảm bảo chất lượng, tiến độ và hiệu quả xây dựng của dự án theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

Trong từng bước triển khai thực hiện dự án, nếu chủ đầu tư vi phạm quy định về quản lý đầu tư và xây dựng, cơ quan có thẩm quyền chỉ phê duyệt, giải quyết thủ tục hành chính khi có hồ sơ kiểm điểm trách nhiệm, xử lý vi phạm của cơ quan chủ đầu tư, cấp trên chủ đầu tư đối với cá nhân, đơn vị vi phạm; tùy theo mức độ vi phạm phải được xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cơ quan, cá nhân cung cấp thông tin, giải quyết thủ tục hành

chính nếu vi phạm quy định về quản lý đầu tư và xây dựng, tùy theo mức độ vi phạm phải được xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan thẩm định dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật và UBND Thành phố về kết quả thẩm định dự án và các nội dung trình phê duyệt của mình; tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.

4. Người có thẩm quyền quyết định đầu tư chịu trách nhiệm cá nhân và bị xử lý theo quy định của pháp luật về quyết định của mình đối với những dự án đầu tư không hiệu quả, gây thất thoát hoặc lãng phí tiền bạc của ngân sách Nhà nước.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 22. Trách nhiệm các cơ quan liên quan :

1. Thủ trưởng các sở, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và tương đương, Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn có trách nhiệm củng cố tổ chức, phân công nội bộ, bồi dưỡng và đào tạo đội ngũ cán bộ và tổ chức thực hiện nghiêm túc các nội dung quy định tại quyết định này.

Cơ quan hành chính nhà nước trực thuộc UBND Thành phố phải công bố công khai quy trình tiếp nhận, xử lý hồ sơ đối với từng loại thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý đầu tư và xây dựng theo chức năng nhiệm vụ được giao.

2. Ủy ban nhân dân các quận, huyện và tương đương, xã, phường, thị trấn có trách nhiệm:

Tổ chức thực hiện các quy định về quản lý đầu tư xây dựng, phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, phân cấp ngân sách theo quy định của Nhà nước và Thành phố và các nội dung quy định tại Quyết định này.

3. Giám đốc các sở, ngành có trách nhiệm :

a. Sở Nội vụ nghiên cứu rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành kịp thời các quy định về chế độ trách nhiệm của tổ chức, người đứng đầu tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng;

Kiểm tra, rà soát chức năng, nhiệm vụ, mô hình Ban quản lý dự án thuộc UBND Thành phố; UBND quận, huyện và tương đương; sở, ngành để điều chỉnh cho phù hợp quy định của Nhà nước và Thành phố.

Chịu trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến đầu tư xây dựng và tổng hợp báo cáo UBND Thành phố. Tổ chức thanh tra công vụ theo kế hoạch, báo cáo UBND Thành phố có hình thức xử lý đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm trong việc giải quyết thủ tục

hành chính trong quản lý đầu tư và xây dựng.

Phối hợp các ngành liên quan nghiên cứu trình UBND Thành phố các hình thức khen thưởng để động viên kịp thời các đơn vị triển khai thực hiện tốt các quy định tại quyết định này.

b. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp các sở xây dựng chuyên ngành có trách nhiệm lập và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra việc chấp hành các quy định của Nhà nước, Thành phố trong công tác xem xét thiết kế cơ sở của các cơ quan liên quan và tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố.

Hướng dẫn cụ thể chế độ, chính sách quản lý kinh tế - kỹ thuật trong xây dựng cơ bản để thống nhất thực hiện theo quy định.

c. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm hướng dẫn các vấn đề nghiệp vụ chung về quy hoạch, kế hoạch đầu tư, chuẩn bị đầu tư, thẩm định dự án đầu tư, đấu thầu, giám sát, đánh giá đầu tư, giám sát của cộng đồng; thực hiện việc kiểm tra, thanh tra công tác kế hoạch và đầu tư và có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố theo quy định.

d. Sở Tài chính chịu trách nhiệm tham mưu, đề xuất với UBND Thành Phố trong việc quản lý thanh quyết toán kinh phí đầu tư; hướng dẫn, kiểm tra các quận, huyện và tương đương, xã, phường, thị trấn việc thẩm tra và phê duyệt quyết toán các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư.

e. Các Sở, Ngành, các cơ quan theo chức năng quản lý, nhiệm vụ đã được UBND Thành phố giao có liên quan đến quản lý hoạt động đầu tư, xây dựng có trách nhiệm rà soát, phân công nội bộ, tổ chức thực hiện nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý theo đúng thẩm quyền và theo đúng quy định của pháp luật và của UBND Thành phố.

f. Thanh tra Thành phố có trách nhiệm tổ chức thanh tra theo quy định, phát hiện hành vi vi phạm quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí để xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc thành phố Hà nội tổ chức tuyên truyền, vận động và hướng dẫn nhân dân giám sát việc thực hiện công khai công tác kế hoạch và đầu tư theo quy định; phát hiện và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền xử lý kịp thời các vi phạm về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc thực hiện các dự án đầu tư.

Điều 23. Xử lý các công việc chuyển tiếp.

1. Đối với các dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt dự án :


Chủ đầu tư đã được giao tiếp tục thực hiện theo quyết định đã phê duyệt. Các Sở, Ngành, Quận, Huyện và tương đương có trách nhiệm kiểm tra, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc được giao làm chủ đầu tư để thực hiện dự án theo quy định của pháp luật. Trường hợp đặc biệt hoặc có khó khăn vướng mắc

trong tổ chức thực hiện, báo cáo UBND Thành phố để được xem xét, giải quyết.

Các bước tiếp theo thực hiện theo quy định tại Quyết định này.

2. Đối với dự án chưa được cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt, thực hiện theo quy định tại Quyết định này.

Điều 24. Sửa đổi, bổ sung.

Trong quá trình triển khai thực hiện quy định này, nếu có vướng mắc, các cơ quan hành chính nhà nước trực thuộc UBND Thành phố, các chủ đầu tư dự án cần phản ánh kịp thời về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố xem xét, quyết định. 



Nguyễn Thế Thảo